

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thu Nguyệt;

Ông Lê Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Kỳ- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc N, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/11/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị L trình bày:

Chị và anh N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm với vợ con mà thường xuyên chơi bời gây ra nhiều nợ nần; chị đã khuyên giải nhiều lần và bán hết tất cả tài sản của vợ chồng để trả nợ cho anh N nhưng anh vẫn không thay đổi. Chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 8/2019 đến nay; anh N không liên lạc với chị và hai người sống ly thân cho đến nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không

còn, không thể tiếp tục sống chung với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Trần Phúc L, sinh ngày 20/7/2012 và Trần Minh T, sinh ngày 26/5/2016, chị trực tiếp nuôi dưỡng hai con từ tháng 8/2019 đến nay. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu T, giao cháu L cho anh N nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Trần Ngọc N đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung, nguyên đơn thay đổi ý kiến, yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định; bị đơn vắng mặt là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung: đề nghị giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Đoàn Thị L và bị đơn anh Trần Ngọc N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bị đơn thường xuyên gây ra nhiều nợ nần làm ảnh hưởng xấu đến tình cảm và cuộc sống của gia đình. Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ

quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Phúc L, sinh ngày 20/7/2012 và Trần Minh T, sinh ngày 26/5/2016, hiện đang do nguyên đơn nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con là phù hợp và đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung cho nguyên đơn nuôi, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đoàn Thị L được ly hôn với anh Trần Ngọc N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Phúc L, sinh ngày 20/7/2012 và Trần Minh T, sinh ngày 26/5/2016 cho nguyên đơn chị Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0013619, ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa